

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 4 – 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm

2. Bà Tạ Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hoài Nh, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 87, ấp Cái S, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Th, xã Định B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng TMCP B Việt Nam

Địa chỉ: Số 108, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của Ngân hàng: Ông Huỳnh Tấn Tr, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 94, Lý Thường Kiệt, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau, chức vụ: Phó phòng tổng hợp chi nhánh Cà Mau (Văn bản uỷ quyền ngày 16/11/2018), (xin vắng mặt).

2/ Anh Huỳnh Nhật Kh, sinh năm: 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 42, Hùng Vương, khóm 3, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3/ Chị Phan Thị Hồng L1, sinh năm: 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4/ Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh Trần Hoài Nh trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh và chị L kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định B, thành phố C. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau, chị L thường hay ghen dẫn đến cự cãi với nhau, chị L có nhiều lời xúc phạm anh. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung tên là Trần Kim Á, sinh ngày 29/11/2010 và Trần Huỳnh Tuyết Ngh, sinh ngày 15/6/2014, hiện nay 02 con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Á hoặc cháu Ngh cũng được, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con anh tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: anh xác định gồm có:

+ 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 69F1 – 296.49, xe mua xe khoảng tháng 5/2017 âm lịch với giá 39.000.000 đồng, anh đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Khoảng 01 tháng nay, do gặp khó khăn nên anh đã bán với giá 25.000.000 đồng, việc bán xe không bàn bạc với chị L, chị L không biết.

+ 01 xe tải hiệu Hyundai biển số 69C-046.06 mua cách đây khoảng 04 tháng với giá tổng cộng là 700.000.000đ, anh đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Hiện nay anh đã thế chấp xe cho Ngân hàng TMCP B để vay tiền Nhng xe hiện anh đang quản lý, sử dụng.

Đối với số tài sản trên, vợ, chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định có nợ Ngân hàng TMCP B Cà Mau số tiền 500.000.000đ, đã trả góp được 04 tháng, khi vay có thế chấp chiếc xe tải. Đối với khoản nợ này, khi ly hôn, anh nhận trách nhiệm tự thanh toán, không đề cập đến trách nhiệm trả nợ của chị L.

Về nợ riêng: Anh xác định bản thân anh có nợ chị Trần Thị Th số tiền 30.000.000đ, nợ chị Phan Thị Hồng L1 tiền hui 18.000.000đ, nợ anh Huỳnh Nhật Kh số tiền 15.000.000đ. Khi ly hôn, anh nhận trách nhiệm thanh toán các khoản nợ này, không đề cập đến trách nhiệm trả nợ của chị L.

Tại bản tự khai và lời trình bày của chị Võ Thị L trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về điều kiện kết hôn, thời gian và nơi đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng đúng Nh lời trình bày của anh Nh. Về mâu thuẫn vợ, chồng do anh Nh có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, việc anh Nh trình bày chị thương hay ghen dẫn đến cự cãi, xúc phạm anh Nh là không đúng. Chị nhận thấy, cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên chị tự nguyện đồng ý ly hôn với anh Nh.

Đối với con chung là Trần Kim Á, sinh ngày 29/11/2010 và Trần Huỳnh Tuyết Ngh, sinh ngày 15/6/2014, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục được nuôi cả hai con, yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng, chị đồng ý để anh Nh có trách nhiệm tự thanh toán, chị không có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này.

Tại bản tự khai của chị Trần Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Khoảng tháng 7 năm 2018 âm lịch, chị cho anh Nh mượn số tiền 30.000.000đ. Từ khi mượn đến nay, anh Nh đã thanh toán tổng cộng được 9.000.000đ, còn nợ 21.000.000đ. Đây là nợ riêng của anh Nh, không liên quan đến chị L, nay anh Nh và chị L ly hôn, chị và anh Nh tự thỏa thuận thanh toán nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì bận công việc nên chị từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Tại bản tự khai của chị Phan Thị Hồng L1 trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Khoảng tháng 4 năm 2018 âm lịch, chị có mở dây hụi 500.000đ, mỗi tuần khui một lần, đến tháng 6 năm 2019 âm lịch thì mãn hụi. Anh Nh có tham gia vào 02 chung và hiện anh Nh đã hốt hết 02 chung hụi đang chơi. Đây là nợ riêng của anh Nh, không liên quan đến chị L, nay anh Nh và chị L ly hôn, chị và anh Nh tự thỏa thuận thanh toán hụi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì bận công việc nên chị từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Tại bản tự khai của anh Huỳnh Nhật Kh trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Khoảng tháng 6 năm 2018 âm lịch, anh cho anh Nh mượn số tiền 15.000.000đ. Nay anh Nh và chị L ly hôn, anh và anh Nh tự thỏa thuận thanh toán nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ anh Nh thiếu. Vì bận công việc nên anh từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Tại bản tự khai và lời trình bày của đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP B Việt Nam trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện:

Ngày 30/8/2018, anh Trần Hoài Nh và chị Võ Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 18.049.143/2018-HĐCV/NHCT860 với Ngân hàng TMCP B Việt Nam chi

nhánh Cà Mau để vay số tiền 500.000.000đ, khi vay có thể chấp chiếc xe tải hiệu Hyundai biển kiểm soát 69C-046.06 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010749, biển số 69C-046.06 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 24/8/2018 theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện giao thông số 18.049.143/2018/HĐBĐ/NHCT860.

Quá trình vay đến nay, anh Nh và chị L đã trả góp được 05 tháng. Đến ngày 26/02/2019, anh Nh và chị L còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền 459.800.395đ, trong đó, nợ gốc là 458.350.000đ, nợ lãi là 1.450.395đ. Từ khi vay đến nay, anh Nh và chị L chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, do đó Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc anh Nh và chị L thanh toán nợ của hợp đồng trong vụ án ly hôn này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp hoặc anh Nh và chị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác, đồng thời đại diện Ngân hàng xin vắng mặt trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do anh Huỳnh Nhật Kh, chị Phan Thị Hồng L1, chị Trần Thị Th, đại diện Ngân hàng B có yêu cầu vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 207, 209 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nh và chị L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố C, tỉnh Cà Mau năm 2009 nên hôn nhân của anh, chị được công nhận hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét thực tế cuộc sống vợ, chồng giữa anh Nh và chị L đã có mâu thuẫn với nhau không thể hàn gắn được, anh Nh yêu cầu ly hôn, chị L đồng ý. Việc anh Nh và chị L thuận tình ly hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Kim Ái, sinh ngày 29/11/2010 và Trần Huỳnh Tuyết Nghi, sinh ngày 15/6/2014, hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, anh Nh có yêu cầu được nuôi 01 người con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; anh đồng ý cấp dưỡng nuôi người con còn lại mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chị L yêu cầu tiếp tục giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi, yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: ***“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”***. Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Ái thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị L nên tôn trọng nguyện vọng của cháu Ái, tiếp tục giao cháu Ái

cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Nghi hiện còn nhỏ và do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tình cảm giữa mẹ, con, chị, em của cháu Nghi với chị L và cháu Ái thường ngày khắn khít bên nhau, cháu đã quen với cuộc sống, sinh hoạt thường ngày của cháu. Nếu giao cháu Nghi cho anh Nh nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi đột ngột môi trường sống của cháu, làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ thơ. Mặt khác, anh Nh làm nghề lái xe tải, thường xuyên vắng nhà nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, dạy bảo, nuôi dưỡng con thơ, nhất là nữ giới. Bên cạnh đó, từ tháng 10/2018 (lúc chị Nh dẫn các con về nhà mẹ ruột chị Nh ở) đến nay, anh Nh chưa từng đến thăm nom, chăm sóc, động viên, dạy bảo các con nên sự gần gũi, tình cảm thân thiện của các con dành cho anh Nh có sự xa cách. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nghi cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Anh Nh không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[6] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ trên 01 người con. Xét điều kiện thu nhập thực tế của anh Nh, mức sống, sinh hoạt thường ngày tại địa phương đối với một trẻ thì mức cấp dưỡng của anh Nh đối với con Nh vậy là tự nguyện và phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Anh Nh và chị L xác định do anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về nợ chung, nợ riêng: Do các chủ nợ xác định tự thỏa thuận với anh Nh và chị L, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Nh phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hoài Nh và chị Võ Thị L.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Kim Ái, sinh ngày 29/11/2010 và cháu Trần Huỳnh Tuyết Nghi, sinh ngày 15/6/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Nh vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nh không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng, anh Nh còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung, nợ riêng: Không đề cập giải quyết.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh Nh phải chịu 300.000đ, ngày 08/01/2019 anh Nh đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 1929, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nh phải chịu 300.000đ, (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nh, chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng TMCP B Việt Nam, anh Kh, chị L1, chị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Định Bình, Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hứa Minh Hải